

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỆT NAM

Thu Hòa

Là ngành sản xuất vật chất mang tính cơ bản của nền kinh tế quốc dân, có vị trí then chốt trong nền kinh tế hiện đại, công nghiệp điện tử (CNĐT) có tác động mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác. Ở Việt Nam, ngành CNĐT thể hiện cho sự hội nhập, đóng góp nhiều cho xuất khẩu, ghi tên vào bản đồ các nước xuất khẩu nhiều đồ điện tử trên thế giới. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập hiện nay, CNĐT Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức, bởi thực tế ngành vẫn đang dừng ở giai đoạn đầu trong chuỗi sản xuất các sản phẩm điện tử, tỷ lệ nội địa hóa thấp. Đi tìm các giải pháp cho phát triển CNĐT đang được các chuyên gia, nhà nghiên cứu quan tâm.

Cơ hội phát triển của công nghiệp điện tử Việt Nam

CNĐT ở Việt Nam được đánh giá là ngành công nghiệp mũi nhọn và đã đạt được một số thành tựu trong thu hút đầu tư FDI, đóng vai trò lớn trong xuất khẩu. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp điện tử Việt Nam (VEIA), nếu như cách đây 20 năm, ngành điện tử Việt Nam mới xuất khẩu được lô hàng đầu tiên trị giá chưa đến 100 triệu USD thì đến năm 2013 ngành điện tử đã vượt qua may mặc trở thành ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 32,2 tỷ USD, (tăng 57% so với năm 2012); Năm 2014, kim ngạch xuất khẩu điện tử cán mốc 35 tỷ USD; Năm 2015 kim ngạch xuất khẩu của ngành này đã đạt hơn 57 tỷ USD, đứng đầu các ngành hàng xuất khẩu cả nước với tốc độ tăng trưởng trên dưới 30%.

Những năm gần đây, số lượng việc làm trong ngành công nghiệp điện tử tăng nhanh. Tổng số lao động trong ngành đã tăng 7 lần trong vòng 8 năm, từ 46 nghìn lao động vào năm 2005 đến hơn 327 nghìn vào năm 2013 và khoảng 500 nghìn ở thời điểm hiện tại.

Năm 2016 ước tính doanh thu phần cứng điện tử đạt khoảng 46 tỷ USD, tăng trưởng khoảng 16%. Riêng xuất khẩu điện thoại di động đạt 30,8 tỷ USD, tăng gần 30%. Xuất siêu phần cứng điện tử đạt 12 tỷ USD. Các sản phẩm điện tử của Việt Nam đã xuất khẩu sang hơn 100 thị trường, trong đó có các thị trường khó tính như: Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc.

Việt Nam được đánh giá là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI trong ngành CNĐT. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến nay, lĩnh vực CNĐT Việt Nam đã thu hút hơn 10 tỷ USD vốn FDI với các tên tuổi lớn như Samsung, Foxconn, LG, Panasonic, Intel.

Sức hấp dẫn của CNĐT Việt Nam hiện nay chính là các nhà máy sản xuất điện thoại di động quy mô lớn, trong đó Samsung là lớn nhất với hai nhà máy 2,5 tỷ USD ở Bắc Ninh và 2 tỷ USD ở Thái Nguyên. Có thể thấy, với lợi thế dân số trẻ và dồi dào, gần 60% trong tổng dân số ở độ tuổi lao động (17-60 tuổi), vị trí địa lý thuận lợi và nằm trong khu vực có nền công nghiệp phát triển

nhANH và năng động, Việt Nam có nhiều cơ hội để thu hút vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ và học tập các kiến thức quản lý và đào tạo nhân lực từ các ngành CNĐT phát triển trong khu vực. Chi phí cho lao động ở Việt Nam cũng tương đối thấp (chi phí hoạt động và giá thuê nhân công ở Việt Nam chỉ bằng 1/3 so với Ấn Độ và 1/2 so với Trung Quốc) cũng là yếu tố thu hút nhiều đầu tư FDI vào CNĐT nước ta.

Bên cạnh đó, với sự đa dạng tài nguyên khoáng sản quan trọng cần thiết để phát triển công nghiệp vật liệu điện tử như quặng sắt, đất hiếm, titan, rutin, barit, ilmenit... Việt Nam hoàn toàn có khả năng để trở thành nhà cung ứng nguyên vật liệu, hóa chất cho ngành CNĐT của các nước dưới hình thức khai thác nguyên liệu thô, thành phẩm hoặc bán thành phẩm với giá rẻ. Đặc biệt, với dân số trên 90 triệu người, Việt Nam cũng là một thị trường tiêu thụ đầy tiềm năng để phát triển CNĐT.

Ngoài ra, hiện khả năng xuất khẩu hàng hóa công nghệ thông tin, linh kiện điện tử của Việt Nam đang tăng cao. Việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và một loạt Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới (FTA EU-Việt Nam...) cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp ngành CNĐT phát huy tiềm năng đưa các sản phẩm vươn ra khu vực và thế giới. Song song với đó thì giá thành các sản phẩm điện tử, viễn thông sẽ giảm nhiều khi gỡ bỏ hàng rào thuế quan và đây cũng là động lực phát triển nền CNĐT, công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông. Cụ thể như với Hiệp định

Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) dự tính sẽ có hiệu lực vào năm 2017, khi đó sẽ có 65% danh mục sản phẩm với 8.000 - 9.000 loại sản phẩm sẽ được miễn, giảm thuế. Điều này sẽ mở ra cơ hội cho Việt Nam xuất khẩu nhiều hơn những linh kiện và bộ phận thay thế.

Thời gian gần đây, các tập đoàn điện tử lớn có xu hướng chuyển dịch cơ sở sản xuất sang Việt Nam, như: Samsung Electronics chuyển nhà máy sản xuất Smartphone từ Trung Quốc sang Việt Nam. Năm 2014, Microsoft dời dây chuyền Nokia từ Trung Quốc sang Việt Nam. Tháng 3 năm 2015, LG Electronics thông báo chuyển bộ phận sản xuất TV từ Thái Lan sang Việt Nam. Một số hãng điện thoại Archos (Pháp) và Compal (Đài Loan) cũng có nhu cầu xúc tiến mở rộng đầu tư vào Việt Nam... những điều đó đã mở ra cho ngành điện tử nước ta cơ hội phát triển không hề nhỏ.

Liệu thách thức lớn có lấn át cơ hội?

Tuy có nhiều cơ hội phát triển song ngành CNĐT Việt Nam cũng chỉ được đánh giá là ngành công nghiệp non trẻ. Thực tế cho thấy, mặc dù kim ngạch xuất khẩu lớn, nhưng hoạt động sản xuất của CNĐT phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu và xuất khẩu chủ yếu lại chỉ nằm ở những doanh nghiệp FDI. Cùng với đó, hoạt động của các doanh nghiệp FDI cũng chủ yếu chỉ là lắp ráp, hoàn tất công đoạn cuối cùng của sản phẩm.

Theo VEIA, năm 2007, kim ngạch xuất khẩu hàng điện tử có nguồn gốc từ nhập khẩu chiếm 43,7%, đến năm 2011, con số này không hề giảm đi, mà thậm chí còn tăng lên 49,3%. Trong năm 2015, kim ngạch nhập khẩu linh kiện máy vi tính, sản phẩm điện tử của Việt Nam đã đạt khoảng 21 tỷ USD, linh kiện điện thoại đạt 10 tỷ USD. Riêng 9 tháng đầu năm 2016 nhập khẩu nhóm hàng này đạt hơn 20,1 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước.



Các thị trường cung cấp máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện cho Việt Nam chủ yếu từ Hàn Quốc, Trung Quốc và Đài Loan.

Bộ Công thương cũng nhìn nhận, trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, các doanh nghiệp nội địa hiện đã đáp ứng 30% - 35% nhu cầu linh kiện đối với điện tử gia dụng. Tuy nhiên, sản phẩm cung ứng cho điện tử tin học, viễn thông chỉ đạt 15%, điện tử chuyên dùng cho công nghệ cao chỉ đạt 5%. Tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp điện tử nội địa hiện chỉ đạt 12%, còn lại 88% nhập từ nước ngoài, từ nhập linh kiện điện tử cao cấp đến linh kiện cơ khí, nhựa, cao su.

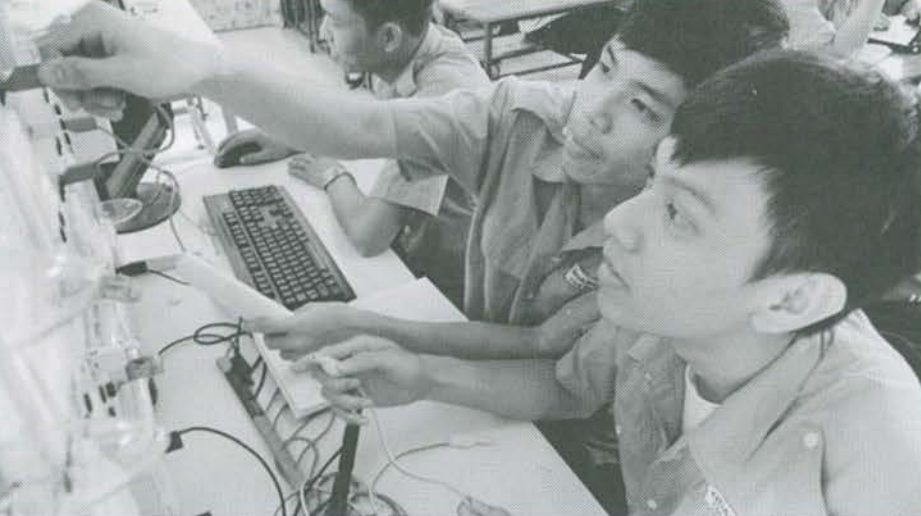
Theo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thu hút FDI vào lĩnh vực công nghiệp điện tử tại Việt Nam cũng gặp phải một số thách thức không nhỏ, khi ngành công nghiệp điện tử mới chỉ dừng ở mức độ gia công, gây khó khăn trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ trong AEC và TPP. Và mức độ cạnh tranh trong thu hút FDI từ một số quốc gia trong khu vực cũng ngày một tăng cao. Đó là chưa kể các nhà đầu tư có thể chuyển địa điểm đầu tư sang các nước khác khi thời gian ưu đãi đầu tư kết thúc.

Theo Báo cáo mới đây của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), trong số 100 doanh nghiệp điện tử lớn của Việt Nam có tới 99 là doanh nghiệp FDI. Doanh nghiệp Việt Nam duy nhất lọt top này là 1 DNNN và đứng vị trí thứ 100. Chiếm đa số trong 20 DN lớn nhất là doanh nghiệp

Nhật Bản, sau đó là các doanh nghiệp Hàn Quốc. Những doanh nghiệp lớn nhất này sử dụng tới 1/2 tổng số lao động trong ngành. Trung bình một doanh nghiệp trong nước sử dụng 24 nhân công so với con số gần 630 nhân công ở các doanh nghiệp FDI, chiếm khoảng 4% tổng số việc làm trong ngành này.

Thực tế cho thấy, khoảng 80% người lao động ở phân khúc dưới của ngành công nghiệp này phần lớn là lao động nữ, làm việc trong các dây chuyền lắp ráp. Phụ nữ cũng hầu như không giữ các vị trí kỹ thuật hay quản lý. Hơn nữa, các vị trí quản lý cấp cao trong ngành đều do người nước ngoài nắm giữ. Nguồn nhân lực có khả năng thiết kế và thực hiện quy trình công nghệ vẫn là rào cản khó vượt qua. Khu vực tư nhân trong nước còn yếu, đầu tư nghiên cứu phát triển không đáng kể...

Có thể thấy, hội nhập kinh tế đã khiến cho ngành CNĐT phải đối mặt với sức ép cạnh tranh ngay trên sân nhà, bởi năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp hiện nay còn yếu, quy mô vốn nhỏ, kinh nghiệm quản lý kinh doanh, công nghệ, trình độ cán bộ còn yếu, năng suất lao động thấp. Áp lực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng đang ngày càng đè nặng lên hệ thống các trường đại học, cao đẳng. Ngoài ra, nước ta chưa có được đội ngũ đủ mạnh để thích ứng với yêu cầu đi trước đón đầu công nghệ, trong khi, "chất xám" của các doanh nghiệp trong nước đang ngày càng bị thu hút sang các công ty xuyên quốc gia.



trong việc sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín của sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong ngành CNĐT của Việt Nam.

- Phát triển và mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu cho ngành CNĐT. Tăng cường công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu về sử dụng sản phẩm ngành CNĐT trong cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội. Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức, cơ quan Nhà nước sử dụng các sản phẩm điện tử sản xuất trong nước; Đồng thời, xây dựng chương trình quảng bá hình ảnh sản phẩm điện tử "an toàn, chất lượng cao" có xuất xứ tại Việt Nam tại các thị trường nước ngoài.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế, xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường độc lập hoặc trong khuôn khổ Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoặc các trung tâm thương mại ở nước ngoài để tìm hiểu về nhu cầu, thị hiếu của thị trường, quảng bá sản phẩm, thương hiệu và ký kết hợp đồng, tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

- Bên cạnh đó, nỗ lực thu hút đầu tư các doanh nghiệp điện tử hàng đầu trên thế giới thông qua việc cải cách thủ tục hành chính. Hỗ trợ thu hút và triển khai các dự án đầu tư FDI lớn trong ngành CNĐT.

Hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng, thuế quan giảm xuống 0%, sản xuất trong nước sẽ đứng trước sức ép cạnh tranh với hàng nhập khẩu nguyên chiếc, bởi người tiêu dùng khi đó được tiếp cận với sản phẩm nhập ngoại có mức giá rẻ hơn so với sản xuất trong nước. Do vậy, thời gian tới các doanh nghiệp Việt Nam cần có sự chuẩn bị về năng lực cạnh tranh và công nghệ để có thể tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu và góp phần thực chất đưa Việt Nam thành một nước sản xuất lớn về thiết bị điện tử vào năm 2030./.

Bên cạnh đó, sự thay đổi về cơ cấu sản phẩm từ "cứng" sang "mềm" cũng là thách thức rất lớn đối với doanh nghiệp sản xuất thuộc lĩnh vực CNĐT. Khi hội nhập các nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu quan tâm vào lĩnh vực dịch vụ, sẽ ít doanh nghiệp quan tâm tới sản xuất thiết bị. Các nhà sản xuất trong nước vẫn có cơ hội phát triển, tuy nhiên, họ sẽ gặp thách thức lớn nhất là phải cạnh tranh về giá với hàng nhập khẩu. Không lâu nữa, thuế nhập khẩu thiết bị toàn bộ chỉ ngang bằng hoặc thấp hơn nhập linh kiện, chưa kể đến những thách thức khi Việt Nam tham gia Hiệp định Công nghệ thông tin mở rộng, do vậy lợi nhuận sản xuất công nghiệp còn rất thấp.

Giải pháp phát triển CNĐT thời gian tới

Xu thế hội tụ công nghệ thông tin viễn thông diễn ra mạnh mẽ và rõ nét trong giai đoạn vừa qua cho thấy, giá trị sản phẩm điện tử sẽ ngày càng tập trung vào tính thông minh, nhỏ gọn, tiết kiệm năng lượng và kết nối được với nhau. Chính vì vậy, để hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế toàn cầu và đuổi kịp các quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam cần chuyển từ việc cạnh tranh về chi phí nhân công thấp và khai thác tài nguyên sang cạnh tranh về lợi thế so sánh trong các hàng hóa và dịch vụ dựa trên tri thức và có giá trị gia tăng cao hơn. Khả năng cạnh tranh phải dựa trên sự đổi mới không chỉ ở khía cạnh công nghệ mà còn

bao gồm những cải tiến đối với quy trình sản xuất và sản phẩm, các thể chế thân thiện với thị trường và khả năng quản lý đúng đắn nền kinh tế vĩ mô. Một số giải pháp nhằm phát triển CNĐT hiện nay:

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng cho lĩnh vực công nghiệp điện tử. Khuyến khích áp dụng mô hình đào tạo liên kết 3 bên (doanh nghiệp - viện, trường - cơ quan quản lý Nhà nước) để đào tạo nguồn nhân lực tay nghề cao theo yêu cầu của doanh nghiệp. Xây dựng các chương trình liên kết, kênh thông tin giữa các doanh nghiệp quốc tế với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước nhằm góp phần tích cực đẩy mạnh đầu tư và chuyển giao công nghệ, mô hình quản lý, nghiên cứu - phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong ngành CNĐT.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào ngành CNĐT với các quy mô, loại hình khác nhau, từ lắp ráp thành phẩm đến sản xuất linh kiện, phụ tùng và các sản phẩm phụ trợ, trong đó đặc biệt chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài từ các tập đoàn đa quốc gia. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất phát triển điện tử chuyên dùng, bao gồm sản xuất sản phẩm, linh kiện, phụ tùng và sản phẩm phụ trợ cho các lĩnh vực tin học, viễn thông, điện tử y tế, điện tử công nghiệp, cơ điện tử, đo lường, tự động hóa.

- Xây dựng quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật